

Bản án số: 46/2017/HS-ST
Ngày: 28/12/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Tới.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Trương Phước Công.

Nghề nghiệp: Cán bộ công chức.

Nơi công tác: Phòng giáo dục đào tạo huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

- Ông Đặng Văn Tâm.

Nghề nghiệp: Cán bộ công chức.

Nơi công tác: Hội đồng nhân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thi, cán bộ Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Bùi Quốc Nam, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân, huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 44/2017/HSST ngày 15 tháng 11 năm 2017, đối với bị cáo:

Nguyễn Thị T, sinh năm 1993, tại huyện C, tỉnh An Giang; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: không; chỗ ở hiện nay: ấp T, thị trấn M, huyện C, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: làm thuê; quốc tịch: Việt Nam; trình độ học vấn: không biết chữ; con ông Nguyễn Văn N (không rõ năm sinh, địa chỉ) và bà Nguyễn Thị D (chết); chồng Lê Văn H; con Lê Văn K, Lê Thị C.

Tiền án, tiền sự: Chưa.

Bị bắt tạm giam từ ngày 17/9/2017 đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại: Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1946; nơi cư trú: Ấp T2, thị trấn M, huyện C, tỉnh An Giang; (có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Lê Văn H, sinh năm 1985; nơi cư trú: Ấp T2, thị trấn M, huyện C, tỉnh An Giang; (có mặt).

2. Bà Nguyễn Thị Quế P, sinh năm 1979; nơi cư trú: Ấp T1, thị trấn M, huyện C, tỉnh An Giang; (vắng mặt).

3. Ông Võ Văn H1, sinh năm 1970; nơi cư trú: Ấp T1, thị trấn M, huyện C, tỉnh An Giang; (vắng mặt).

4. Bà Nguyễn Thị P1, sinh năm 1960; nơi cư trú: Ấp H, xã T, huyện C, tỉnh An Giang; (Có mặt).

5. Ông Mai Văn H2, sinh năm 1966; nơi cư trú: Ấp H, xã T, huyện C, tỉnh An Giang; (vắng mặt).

NHẬN THẤY:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Thường ngày, Nguyễn Thị T đến nhà Nguyễn Thị K chơi, nên biết nơi K để tiền ở chỗ băng điện cặp vách nhà phía sau tivi. Khoảng 13 giờ ngày 14/9/2017, T đến nhà K, biết K đang trong nhà tắm, nên nảy sinh chiếm đoạt tài sản, T đến nơi để tiền của K lấy cái bọc nilon màu đen bên trong có 25.000.000đ; 01 nhẫn vàng 24 kara, trọng lượng 01 chỉ; 01 mặt dây chuyền bông mai vàng 24 kara, trọng lượng 01 phân có gắn hột đá cẩm thạch màu xanh. Khoảng 08 giờ ngày 15/9/2017, T lấy số tiền trộm được đến tiệm vàng “KQ” của Nguyễn Thị Quế P ở ấp T1, thị trấn C mua một sợi dây chuyền vàng 18 kara, trọng lượng 107.6 ly có mặt dây chuyền gắn hột đá màu trắng giá 2.703.208 đồng; 01 đôi bông tai vàng 18 kara, trọng lượng 57.2 ly giá 1.404.160 đồng. Khoảng 15 giờ cùng ngày, T đến tiệm vàng “NP” của Nguyễn Thị P ở ấp H, xã T mua một nhẫn vàng 24 kara, trọng lượng 01 chỉ giá 3.625.000 đồng. Ngày 16/9/2017, T đến tiệm vàng “KQ” bán chiếc nhẫn vàng 24 kara, trọng lượng 01 chỉ đã lấy trộm của K được số tiền 3.590.000đ, T lấy số tiền vừa bán được mua 02 chiếc vòng ximen loại vàng 18 kara, trọng lượng 137.6 ly giá 3.167.280 đồng; 01 chiếc bông tai vàng 18 kara, trọng lượng 12.5 ly có gắn hột đá màu trắng giá 335.000 đồng. Khoảng 10 giờ cùng ngày, T tiếp tục đến tiệm vàng “KQ” bán chiếc nhẫn vàng 24 kara, trọng lượng 01 chỉ đã mua của tiệm vàng “NP” vào ngày 15/9/2017 được số tiền 3.590.000 đồng, rồi mua lại 06 chiếc vòng ximen vàng 18 kara, trọng lượng 402 ly giá 9.255.600 đồng; 01 đôi bông tay vàng 18 kara, trọng lượng 17.8 ly giá 455.000 đồng; 01 nhẫn vàng 18 kara, trọng lượng 46 ly có gắn hột đá màu trắng giá 1.208.000 đồng. Đến khoảng 11 giờ cùng ngày, T biết tin K trình báo Công an việc mất trộm, nên T trở lại tiệm vàng “NP” mua 01 chiếc nhẫn vàng 24 kara, trọng lượng 01 chỉ giá 3.625.000 đồng để khi phát hiện T sẽ lấy chiếc nhẫn này trả lại cho K. Sau khi mua bán đôi vàng thì còn lại 2.000.000 đồng, T cất giữ. Ngày 16/9/2017, Nguyễn Hồng P (con của K) biết sự việc và nghi ngờ T lấy trộm, nên nhờ Lê Văn C gặp hỏi thì T thừa nhận lấy tiền và vàng của K.

Ngày 17/9/2017, T đến Công an thị trấn M đầu thú, giao nộp 2.000.000 đồng tiền mặt và toàn bộ số vàng T mua tiệm vàng “KQ” và “NP”. Ngày 26/9/2017, T bị cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện C khởi tố, tạm giam để điều tra.

Căn cứ Kết luận định giá tài sản số 57 ngày 21/9/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện C, xác định: 01 mặt dây chuyền bông mai trọng lượng 01 phân vàng 24 kara có gắn hột đá cẩm thạch màu xanh trị giá 350.000 đồng và 01 nhẫn trọng lượng 01 chỉ vàng 24 Kara trị giá 3.600.000 đồng. Tổng trị giá tài sản 3.950.000 đồng.

Căn cứ Bản kết luận giám định pháp y về độ tuổi số 3703 ngày 09/11/2017 của Phân viện khoa học hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh: Xác định tại thời điểm giám định (tháng 11/2017) Nguyễn Thị T có độ tuổi trên 19 năm.

Ngày 17/9/2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện C ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự và Quyết định khởi tố bị can đối với Nguyễn Thị T về hành vi “Trộm cắp tài sản”

Tại bản cáo trạng số 45/VKS-HS ngày 15 tháng 11 năm 2017, Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận đã thực hiện hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng truy tố, không tranh luận với lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Kiểm sát viên trình bày lời luận tội: Giữ nguyên Quyết định truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 138, điểm b, h, p khoản 1 Điều 46, Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009 xử phạt bị cáo từ 09 tháng đến 01 năm tù.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu, đề nghị không xem xét.

Về xử lý vật chứng: Các vật chứng đã trả lại cho bị hại nên đề nghị không xử lý.

XÉT THẤY:

- *Về tố tụng*: Mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng tại phiên tòa, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Quế P, Võ Văn H1, Mai Văn H2 vẫn vắng mặt. Tuy nhiên, họ đã có lời khai trong hồ sơ vụ án nên việc vắng mặt không gây cản trở cho việc xét xử. Vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định của pháp luật.

- *Về nội dung*:

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng của đại diện Viện kiểm sát vừa công bố. Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra, truy tố; phù hợp với lời khai của người bị hại, những người liên quan trong giai đoạn điều tra và các tài liệu chứng cứ khác được lưu trong hồ sơ vụ án.

Cho nên, có cơ sở xác định, khi phát hiện người bị hại sơ hở trong việc bảo quản tài sản của mình, bị cáo đã lén lút chiếm đoạt số tài sản có tổng trị giá 28.950.000 đồng.

Bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là xâm phạm quyền sở hữu nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện thông qua cách thức thực hiện, đó là bị cáo lợi dụng sơ hở trong việc quản lý tài sản của chủ sở hữu để lén lút chiếm đoạt. Vì vậy, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới truy tố bị cáo ra trước phiên tòa hôm nay và lời buộc tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới tại phiên tòa là có căn cứ, đúng người, đúng tội và phù hợp với quy định của pháp luật.

Quyền sở hữu là một trong những quyền cơ bản đối với con người. Để sở hữu được tài sản, người lao động phải trải qua quá trình lao động và tích lũy lâu dài mới tạo lập được. Cho nên, quyền sở hữu được pháp luật ghi nhận và bảo vệ. Đồng thời, sẽ áp dụng chế tài nghiêm khắc nhất là hình phạt đối với những người xâm phạm đến quyền sở hữu của người khác, đáp ứng các quy định của pháp luật hình sự.

Bị cáo đang ở độ tuổi lao động, lẽ ra bị cáo phải tích cực lao động để tạo lập tài sản chính đáng cho bản thân và nuôi sống gia đình mình nhưng vì hám lợi, bị cáo đã thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến quyền sở hữu của người khác, xâm phạm trật tự quản lý của Nhà nước mà còn gây mất trật tự trị an tại địa phương, gây tâm lý lo lắng trong quần chúng nhân dân.

Về tình tiết định khung hình phạt:

Hành vi của bị cáo không vi phạm các tình tiết định khung tăng nặng khác nên chỉ bị xét xử ở khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với bị cáo:

Bị cáo không vi phạm các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo tỏ rõ thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, sau khi phạm tội bị cáo đã đầu thú, bị cáo tự nguyện nộp lại tài sản đã chiếm đoạt, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, cho nên, cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009 cho bị cáo.

Về hình phạt bổ sung, do bị cáo thuộc thành phần lao động nghèo và không có nghề nghiệp ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu bồi thường nên không xét giải quyết.

Về xử lý vật chứng: Do Cơ quan Điều tra không thu giữ vật chứng nên không xét đến.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị T phạm tội “Trộm cắp tài sản”;

Áp dụng khoản 1 Điều 138, điểm b, h, p khoản 1 Điều 46, Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009;

Xử phạt: Nguyễn Thị T 09 (chín) tháng tù;

Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo được tính kể từ ngày bị bắt tạm giam ngày 17/9/2017 (ngày mười bảy tháng chín năm hai nghìn không trăm mười bảy).

Áp dụng Điều 98, Điều 99, Điều 234 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Bị cáo Nguyễn Thị T phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Thời hạn kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt là 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Viện KSND huyện (2);
- Tòa án nhân dân tỉnh (1);
- Sở Tư pháp (1);
- Nhà Tạm giữ (2);
- Thi hành án DS huyện (1);
- Bộ phận THA Tòa án (1);
- UBND cấp xã nơi BC cư trú (1);
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký tên và đóng dấu)

Nguyễn Thành Tới